

CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM NHÌN TỪ KHÍA CẠNH NỢ XẤU

CREDIT QUALITY OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS FROM THE PERSPECTIVE OF BAD DEBTS

Dương Thị Hoàn

TÓM TẮT

Nợ xấu là chỉ tiêu tài chính quan trọng nhất biểu hiện chất lượng của khoản tín dụng ngân hàng cấp cho khách hàng. Do đó để nâng cao chất lượng tín dụng thì việc quản lý và xử lý nợ xấu được đặt lên hàng đầu, có tính cấp bách nhất trong điều kiện nền kinh tế bất ổn như hiện nay. Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích thực trạng chất lượng tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam thông qua công tác quản lý và xử lý nợ xấu. Đối tượng nghiên cứu là các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn năm 2018, 2019 và quý I/2020. Tác giả kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính, tổng hợp và xử lý số liệu dựa trên các báo cáo tài chính của ngân hàng. Nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm trong năm 2018, 2019 và tăng trong quý I/2020. Từ đó tác giả đánh giá kết quả đạt được và những khó khăn, thách thức đối với các ngân hàng thương mại trong công tác xử lý nợ xấu nhằm nâng cao chất lượng tín dụng

Từ khóa: Chất lượng tín dụng; ngân hàng thương mại Việt Nam; nợ xấu.

ABSTRACT

Bad debt is the most important financial indicator of the quality of bank credit to customers. Therefore, in order to improve credit quality, the management and handling of bad debts are top priority, most urgent in the current unstable economy. The objective of the paper is to analyze the current situation of credit quality of Vietnamese commercial banks through the management and handling of bad debts. The subjects of study are Vietnamese commercial banks in 2018 and 2019. The author combines qualitative research methods, aggregates and processes data based on the bank's financial statements. The study showed that the bad debt ratio tended to decrease in 2018, 2019 and forecast that off-balance sheet bad debt at VAMC will return to "reunite" with the bank in 2020. From there, the author assessed the results, and difficulties and challenges for commercial banks in dealing with bad debts in order to improve credit quality

Keywords: Credit quality; Vietnam commercial bank; bad debt.

Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Email: hoandunghau102@gmail.com

Ngày nhận bài: 18/01/2020

Ngày nhận bài sửa sau phản biên: 19/6/2020

Ngày chấp nhận đăng: 23/12/2020

CHỮ VIẾT TẮT

CLTD

NHNN

GIẢI NGHĨA

Chất lượng tín dụng

Ngân hàng Nhà nước

NHTM

TCTD

VAMC

Ngân hàng thương mại

Tổ chức tín dụng

Công ty Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng tín dụng là vấn đề quan tâm hàng đầu của hệ thống ngân hàng. Điều này được thể hiện rõ qua việc Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam luôn tích cực hoàn thiện các quy định pháp lý về phòng ngừa và xử lý nợ xấu, thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo nghiệp vụ về nâng cao chất lượng tín dụng, nhờ đó mà tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu đã kiểm chế sự gia tăng

Trong những năm qua, nợ xấu luôn tồn tại trong bất kỳ ngân hàng nào, là một phần tất yếu của hoạt động tín dụng. Nợ xấu không chỉ là "căn bệnh" của hệ thống ngân hàng Việt Nam nói riêng, mà đã trở thành vấn đề đáng quan ngại của nền kinh tế nói chung. Nợ xấu lớn cũng đồng nghĩa với chất lượng tín dụng của ngân hàng suy giảm kéo theo một loạt hệ lụy tiêu cực như: một lượng vốn tương ứng không được quay vòng, dòng tiền trong nền kinh tế không lưu thông được và hệ thống ngân hàng sẽ gặp khó khăn về thanh khoản, doanh nghiệp không có vốn sản xuất kinh doanh. Do đó để nâng cao CLTD thì việc quản lý và xử lý nợ xấu được đặt lên hàng đầu, có tính cấp bách nhất trong điều kiện nền kinh tế bất ổn như hiện nay.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Nợ xấu thường được xác định căn cứ vào hai yếu tố chính là thời gian quá hạn và khả năng trả nợ của khách hàng. Có thể hiểu một cách khái quát nợ xấu là những khoản nợ được đánh giá không có khả năng thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo cam kết.

Tại Việt Nam, việc xác định nợ xấu ngân hàng phải thông qua việc phân loại nợ. "Nợ xấu" là các khoản nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5 bao gồm nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ, nợ có khả năng mất vốn. Xét theo thời gian, nợ xấu là những món vay khách hàng nợ quá hạn từ 90 ngày trở lên [3].

Tỷ lệ nợ xấu là một chỉ tiêu cơ bản đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng, phản ánh khả năng thu hồi vốn

khó khăn, vốn của ngân hàng lúc này không còn ở mức độ rủi ro thông thường nữa mà là nguy cơ mất vốn. Hiện nay, theo thông lệ quốc tế, tỷ lệ an toàn cho phép là dưới 3%. Chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu được tính toán như sau:

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \text{Nợ xấu} / \text{Tổng dư nợ} \times 100\% \quad [3]$$

3. PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phạm vi nghiên cứu

Để có cơ sở đánh giá một cách cụ thể, chi tiết hơn, tác giả tập trung thu thập và phân tích số liệu của 24 NHTM Việt Nam đã công bố báo cáo tài chính năm 2018, 2019, quý I/2020

- Phương pháp nghiên cứu

Tác giả kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính như phân tích, tổng hợp, so sánh và xử lý số liệu dựa trên các báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và quý I/2020 của các NHTM Việt Nam

4. CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THÔNG QUA NỢ XẤU

4.1. Thực trạng nợ xấu nội bảng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

4.1.1. Tỷ lệ nợ xấu

Theo số liệu từ NHNN năm 2018, toàn hệ thống ngân hàng đã xử lý được 149,22 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống ngân hàng là 1,89%, giảm so với mức 2,46% cuối năm 2016 và mức 1,99% cuối năm 2017. Đây là mức thấp nhất kể từ năm 2012 đến nay và đã nằm sâu dưới ngưỡng 2%. Nhờ hoạt động xử lý nợ xấu được đẩy nhanh hơn, giá trị nợ xấu xử lý trong năm 2018 tăng gần 30% so với năm 2017 [2]. Mặc dù đạt được kết quả như vậy nhưng nợ xấu còn tiềm ẩn ở các khoản mục nợ cơ cấu, trái phiếu doanh nghiệp cơ cấu nợ, các khoản ủy thác, phải thu khó đòi... Nợ xấu ở nhóm ngân hàng mua bắt buộc, ngân hàng bị kiểm soát đặc biệt, ngân hàng yếu kém chậm cải thiện.

Kết quả kinh doanh của ngành ngân hàng bị ảnh hưởng dịch Covid-19 là điều không tránh khỏi, đại dịch gây ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của các nước trên thế giới và Việt Nam từ những ngày đầu năm 2020. Dư nợ tín dụng toàn hệ thống bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 cũng là một trong những nguyên nhân làm tăng nợ xấu của các ngân hàng trong quý I/2020. Các doanh nghiệp gặp khó khăn, không thể hoạt động, ảnh hưởng đến thu nhập, cũng không thể thanh toán nợ cho ngân hàng. Trong bối cảnh giãn cách xã hội do dịch bệnh, doanh nghiệp không có nhu cầu vay vốn để mở rộng kinh doanh, cho nên ngân hàng không thể tăng trưởng tín dụng, trong khi phải triển khai các chương trình hỗ trợ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh như giảm lãi suất cho vay, cơ cấu lại nợ. Do đó, nhiều NHTM sẽ bị ảnh hưởng đến thu nhập và chất lượng nợ vay. Từ đó, dẫn đến nợ xấu tăng cao hơn mức tăng của tín dụng làm cho tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ tăng so với đầu năm.

Chi tiết thông tin về tỉ lệ nợ xấu của 24 ngân hàng cuối năm 2018, 2019 và đến hết quý I/2020 cụ thể theo bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ nợ xấu của các NHTM Việt Nam từ năm 2018 - Quý I/2020

STT	Ngân hàng	Năm 2018	Năm 2019	Quý I/2020	(+/-) QI 2020/2019, %
1	ABBank	1,89%	2,31%	2,58%	11,69
2	ACB	0,70%	0,54%	0,65%	20,37
3	BacABank	76,00%	0,69%	0,79%	14,49
4	BIDV	1,90%	1,75%	1,74%	(0,57)
5	Eximbank	1,85%	1,71%	1,85%	8,19
6	HDBank	1,53%	1,36%	1,47%	8,09
7	KienlongBank	0,94%	1,02%	6,62%	549,02
8	LPBank	1,40%	1,44%	1,44%	0,00
9	MBBank	1,33%	1,16%	1,62%	39,66
10	MSB	2,23%	2,04%	2,18%	6,86
11	NamABank	1,54%	1,97%	1,98%	0,51
12	OCB	2,29%	1,84%	1,64%	(10,87)
13	PGBank	2,96%	3,16%	3,29%	4,11
14	Sacombank	2,11%	1,94%	1,97%	1,55
15	SCB	0,42%	0,49%	0,57%	16,33
16	SeABank	1,51%	2,31%	2,34%	1,30
17	SHB	2,40%	1,91%	2,17%	13,61
18	Techcombank	1,75%	1,33%	1,09%	(18,05)
19	TPBank	1,10%	1,29%	1,87%	44,96
20	VIB	2,52%	1,96%	2,19%	11,73
21	VietBank	1,25%	1,09%	1,10%	0,92
22	Vietcombank	0,98%	0,79%	0,82%	3,80
23	VietinBank	1,60%	1,16%	1,58%	36,21
24	VPBank	3,51%	3,42%	3,03%	(11,40)

(Nguồn: [1] và tính toán của tác giả)

Theo báo cáo tài chính của 24 NHTM Việt Nam vào cuối quý I/2020, tỉ lệ nợ xấu nội bảng (tỉ lệ nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5) các ngân hàng từ 0,57% đến 6,62%. Trong đó, Kienlongbank là ngân hàng có tỉ lệ nợ xấu cao nhất là 6,62%, tăng 5,49% so với con số hơn 1,02% vào cuối năm 2019. Nguyên nhân do hạch toán gần 1.896 tỉ đồng dư nợ các khoản cho vay của nhóm khách hàng có tài sản đảm bảo là cổ phiếu STB của Sacombank vào nợ nhóm 5 theo quyết định chỉ đạo của NHNN. Ngoài Kienlongbank, hai ngân hàng khác cũng có tỉ lệ nợ xấu trên mức 3% là PG Bank (3,29%) và VPBank (3,03%). VPBank là một trong số ít ngân hàng có nợ xấu giảm trong 3 tháng đầu năm 2020. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay giảm từ mức 3,42% năm 2019 xuống còn 3,03% quý I/2020

Nhìn chung, nợ xấu có tăng lên ở nhiều ngân hàng trong quý I/2020 (20/24 ngân hàng tăng), tuy nhiên hầu hết mức tăng chưa phải là mạnh. Lý do vì các ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chưa chuyển nhóm nợ cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Theo báo cáo của NHNN vào cuối tháng 3, các NHTM đã bước đầu cơ cấu lại thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho trên 52.000 khách hàng với dư nợ 17.927 tỷ đồng

Bảng 2. Phân loại nợ xấu tại các NHTM năm 2019 và quý I/2020

Ngân hàng	Phân loại nợ xấu 31/12/2019			Phân loại nợ xấu 31/3/2020			Đơn vị tính: tỷ đồng		
	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Năm 2019	QI/2020	(+/-)%
ABBank	292	423	597	376	478	592	1.312	1.446	10,21
ACB	235	311	903	442	386	964	1.449	1.792	23,67
BacABank	265	18	216	271	33	276	499	580	16,23
BIDV	3.850	4.393	11.209	4.327	4.510	10.453	19.452	19.290	(0,83)
Eximbank	973	145	815	1.030	181	807	1.933	2.018	4,40
HDBank	484	584	929	643	643	958	1.997	2.244	12,37
KienlongBank	38	65	239	45	69	2.127	342	2.241	555,26
LPBank	280	324	1.426	404	356	1.320	2.030	2.080	2,46
MBBank	1.380	899	618	1.365	1.734	906	2.897	4.005	38,25
NamABank	532	537	265	543	474	384	1.334	1.401	5,02
OCB	351	225	732	269	331	700	1.308	1.300	(0,61)
PGBank	45	138	480	94	122	552	663	768	15,84
Sacombank	298	431	5.022	418	397	5.232	5.751	6.047	5,15
SCB	301	274	1.069	399	397	1.176	1.644	1.972	19,95
SeABank	417	757	1.105	374	461	1.437	2.279	2.272	(0,31)
SHB	888	470	3.498	1.700	754	3.683	4.856	6.137	26,38
Techcombank	218	305	2.555	405	294	1.830	3.078	2.529	(17,84)
TPBank	481	305	449	776	500	608	1.235	1.884	52,55
VietBank	87	98	354	68	160	344	539	572	6,12
Vietcombank	610	585	4.529	904	837	4.451	5.724	6.192	8,18
VietinBank	2.063	1.547	7.204	9.703	2.589	4.625	10.814	16.917	56,44
VPBank	5.312	1.447	2.038	4.825	1.560	1.598	8.797	7.983	(9,25)

(Nguồn: [1] và tính toán của tác giả)

4.1.2. Nợ xấu và phân loại nợ xấu

Các NHTM đẩy mạnh xử lý nợ xấu, rà soát, đánh giá, phân loại cụ thể từng khoản nợ xấu để nhận diện đầy đủ thực trạng nợ xấu, đặc biệt là các khoản nợ xấu lớn. Chi tiết như bảng 2.

Báo cáo tài chính năm 2019 và quý I/2020 của nhiều ngân hàng cho thấy, nợ nhóm 3, 4, 5 đều tăng. Điều này thể hiện ở chuyển biến cơ cấu nợ xấu với mức tăng mạnh của nợ nhóm 5 - nợ có khả năng mất vốn. Trong tổng nợ xấu của các ngân hàng thì nợ nhóm 5 chiếm tỷ trọng nhiều nhất. Quý I/2020, TPBank có 1.884 tỷ đồng nợ xấu, tăng gần 52,55% so với đầu năm, chủ yếu do tăng nợ nghi ngờ (+64%). VietinBank tăng đến 56,44% nợ xấu so với đầu năm lên mức gần 16.917 tỷ đồng, trong đó nợ nghi ngờ tăng 67% (2.589 tỷ đồng). Tại MBBank khi tăng 38,25% nợ xấu lên 4.005 tỷ đồng, dịch chuyển nhiều sang nợ có khả năng mất vốn (+47%). Tại KienlongBank, tính đến cuối quý I/2020, nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) tăng từ 239 tỷ đồng đầu năm lên 2.127 tỷ đồng, chiếm 93% giá trị nợ xấu.

Tuy nhiên, hết quý I/2020, nợ xấu vẫn chưa phản ánh được đầy đủ hệ lụy do dịch bệnh gây ra, mà có thể đến quý II hoặc thậm chí là quý III mới thấy được tác động rõ nét từ dịch bệnh. Sang quý 2/2020 dự báo sẽ tăng cao hơn bởi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc làm của người lao động còn chịu ảnh hưởng tiêu cực kéo dài cả sau khi hết dịch. Do đó, nguy cơ khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn, vẫn tiềm tàng. Vì vậy, các NHTM cần theo dõi chặt chẽ chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu.

4.2. Thực trạng nợ xấu ngoài bảng đã bán cho VAMC bằng trái phiếu đặc biệt tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Ngày 27/6/2013, Công ty Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) được thành lập và đi vào hoạt động một tháng sau đó. VAMC đã mua hàng chục nghìn tỷ đồng nợ xấu mỗi năm và thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt. Bên cạnh đó, các NHTM cũng đẩy mạnh nợ xấu vào VAMC giúp kéo tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống ngân hàng về mức an toàn dưới 3% vào cuối năm 2015 và duy trì dưới mức này kể từ đó đến nay. Chi tiết như bảng 3.

Bảng 3. Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành tại một số NHTM năm 2018, 2019

STT	Ngân hàng	Đơn vị tính: tỷ đồng		
		Năm 2018	Năm 2019	Tăng/giảm %
1	Sacombank	43.266,7	40.233,2	-7,0%
2	BIDV	19.348,0	14.138,0	-26,9%
3	Vietinbank	2.471,6	13.426,8	443,2%
4	SHB	8.118,8	7.501,2	-7,6%
5	Eximbank	5.991,6	5.487,4	-8,4%
6	HDBank	1.838,9	1.407,8	-23,4%
7	LienVietpostbank	1.715,7	1.175,2	-31,5%
8	MSB	837,4	1.263,3	50,9%
9	ACB	40,4	40,4	0,0%

(Nguồn: [1] và tính toán của tác giả)

Bán nợ cho VAMC là một phương thức chủ yếu của các ngân hàng để được hỗ trợ trong quá trình xử lý nợ xấu, đồng thời cũng là một cách làm đẹp bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, bán nợ cho VAMC cũng không đồng nghĩa các ngân hàng sẽ thoát khỏi gánh nặng từ các khoản nợ xấu này.

Tính đến hết quý I/2020, có 14 ngân hàng đã tắt toán trái phiếu và xóa nợ xấu tại VAMC gồm: Kienlongbank, Vietcombank, VIB, Techcombank, TPBank, NamABank, OCB, Agribank, SeABank, MB và VPBank, ACB, NamABank, BIDV, VietCapital Bank. Đây được xem là tín hiệu tích cực trong quá trình xử lý nợ xấu của hệ thống. Khi các ngân hàng mua lại nợ xấu tại VAMC để tự xử lý, cho thấy các ngân hàng đã đủ nguồn lực tài chính để xử lý nợ xấu. Bởi chỉ có bản thân các ngân hàng mới hiểu rõ từng khoản nợ xấu để có hình thức xử lý cũng như thu hồi sớm nhất và đúng đắn như: bán, thanh lý... Khi các khoản nợ xấu này được xử lý xong sẽ được hoàn nhập dự phòng, góp phần làm tăng lợi nhuận thực sự của ngân hàng.

4.3. Công tác xử lý nợ xấu

NHNN đã xây dựng Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu và Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn liền với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020". Trên cơ sở đó, NHNN chủ động, tích cực triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp được giao, cụ thể:

(1) Yêu cầu các tổ chức tín dụng rà soát, đánh giá toàn bộ danh mục tín dụng, thực trạng nợ xấu sửa đổi các quy định nội bộ liên quan quy trình, hướng dẫn công tác thu giữ tài sản được xác định theo các quy định tại Nghị quyết 42; thành lập Ban chỉ đạo, các tổ công tác xử lý nợ xấu và ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị phổ biến, hướng dẫn, tập huấn nội dung Nghị quyết cho cán bộ từ Hội sở đến các chi nhánh trong toàn hệ thống; phối hợp với VAMC, các đơn vị liên quan, chính quyền các cấp để tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ trong quá trình xử lý nợ xấu

(2) NHNN cũng chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố yêu cầu các chi nhánh TCTD trên địa bàn chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về cấp tín dụng, bảo đảm tiền vay, các quy định an toàn trong hoạt động; có văn bản cảnh báo nợ xấu đối với các ngân hàng có nợ xấu vượt mức cho phép; đồng thời thanh tra, giám sát công tác tín dụng, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, xử lý thu hồi nợ, phát hiện và xử lý kịp thời các TCTD và cá nhân có hành vi vi phạm nhằm nâng cao chất lượng tín dụng;

(3) Đồng thời, giao VAMC hoàn thiện việc sửa đổi và ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ phù hợp với các quy định mới; ký thỏa thuận hợp tác, phối hợp với một số TCTD (6 TCTD: Agribank, BIDV, Vietinbank, ACB, Sacombank, Techcombank) thí điểm triển khai đẩy mạnh xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42; hoàn thiện phương án mua nợ xấu theo giá thị trường, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền và khách hàng vay để hoàn thiện thủ tục, hồ sơ pháp lý và đề nghị được áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ giao và xử lý tài sản bảo đảm; đánh giá thực trạng các khoản nợ, nợ xấu và tài sản đảm bảo cho các khoản nợ xấu đã mua để xác định khả năng thu hồi nợ, từ đó, có biện pháp xử lý phù hợp; tích cực tìm kiếm các đối tác mua nợ đối với các khoản nợ đã bán cho VAMC và được VAMC ủy quyền bán nợ.

Kết quả cho thấy, sau khi Nghị quyết 42 và Đề án 1058 được ban hành và có hiệu lực, tính đến cuối năm 2019, nợ

xấu của toàn hệ thống TCTD được xử lý tăng lên đáng kể và bước đầu đã đạt được những thành quả tích cực. Chủ yếu là từ phía các TCTD tự xử lý, bình quân xử lý được khoảng gần 14 nghìn tỷ đồng/tháng, cao hơn khoảng 4 nghìn tỷ đồng/tháng so với giai đoạn trước khi Nghị quyết 42 có hiệu lực năm 2012-2017 (khoảng 10,1 nghìn tỷ đồng/tháng). Trong đó, xử lý nợ xấu nội bảng là 70,23 nghìn tỷ đồng (chiếm 50,78% tổng nợ xấu đã xử lý), xử lý các khoản hạch toán ngoài bảng cân đối kế toán xác định theo Nghị quyết 42 là 21,59 nghìn tỷ đồng (bằng 15,61%), xử lý các khoản nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42 đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt là 46,46 nghìn tỷ đồng (bằng 33,59%). Bên cạnh đó, đến thời điểm cuối tháng 6/2019, các TCTD đã sử dụng 61,04 nghìn tỷ đồng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu nội bảng [2].

5. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THÔNG QUA NỢ XẤU

5.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, kể từ khi VAMC ra đời đã hỗ trợ các NHTM rất nhiều trong quá trình xử lý nợ xấu. Và thực tế, trong 2 năm trở lại đây, các NHTM đã có xu hướng hạn chế đẩy nợ xấu sang VAMC, thay vào đó tích cực xử lý nợ xấu qua các hình thức như bán nợ, phát mại tài sản bảo đảm, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng,... Việc bán nợ xấu cho VAMC đã giúp nhiều NHTM có thêm thời gian để tích tụ tài chính, cũng như tập trung nguồn lực xử lý những khoản nợ có vấn đề khác cấp thiết hơn. Kết quả là sau vài năm kinh doanh hiệu quả trở lại, không ít ngân hàng đã mua lại toàn bộ nợ xấu đã bán cho VAMC hoặc đủ sức trích lập 100% dự phòng và tắt toán trái phiếu đặc biệt với VAMC.

Thứ hai, mặt khác sau khi triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD và Quyết định số 1058/QĐ-TTg, các chính sách này đã tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của các TCTD. Nhờ những thay đổi về hành lang pháp lý đó mà nhiều khoản nợ xấu tại ngân hàng được xử lý, góp phần củng cố năng lực tài chính, cải thiện chất lượng tín dụng của ngân hàng. Nhiều NHTM đã thành công trong việc xử lý và bán đấu giá nhiều tài sản lớn tồn đọng nhiều năm. Có những khoản nhiều năm không xử lý được đồng nào, nay giải quyết được trên 90%.

5.2. Những hạn chế, khó khăn còn vướng mắc

Một là, theo NHNN Việt Nam [3], tổng dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo thống kê sơ bộ từ các TCTD ước tính lên tới khoảng 900 nghìn tỷ đồng. Đại dịch Covid-19 bùng phát làm hàng hóa trở nên ách tắc, sản xuất kinh doanh đình trệ, hàng xuất đi không bán được hoặc nếu có đầu ra thì lại thiếu nguồn nguyên liệu đầu vào do các thị trường nhập khẩu nguyên vật liệu đều dừng hoạt động. Như vậy, có thể thấy, với việc nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn thì doanh nghiệp là những đối tượng sẽ gặp khó khăn đầu tiên, từ đó, ảnh hưởng đến năng lực trả nợ vay cho các ngân hàng.

Tính đến thời điểm hiện tại, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và chờ giải thể tăng vọt so với cùng kỳ năm ngoái, dẫn đến khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn và từ đó gia tăng tỷ lệ nợ quá hạn, gia tăng nợ xấu. Nhiều ngành như nông, lâm nghiệp và thủy sản, doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu, dịch vụ lưu trú, ăn uống, thực phẩm, đồ uống, vận tải, dệt may, da giày, điện tử, điện lạnh, dầu khí, du lịch, giáo dục, cùng các doanh nghiệp có thị trường xuất khẩu và nguồn nguyên liệu nhập khẩu chính từ Trung Quốc... đều là những nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh. Những doanh nghiệp trong các lĩnh vực này chiếm lượng khá lớn trong số các khách hàng của các ngân hàng, do đó, nguy cơ gia tăng nợ xấu là khó tránh khỏi. Đây là các vướng mắc chưa tháo gỡ được làm cho dư nợ tín dụng của các ngân hàng trong quý 1/2020 tăng trưởng chậm, vì vậy cũng khiến cho tỷ lệ nợ xấu tính trên tổng dư nợ tăng.

Hai là, vào giai đoạn 2014-2015, Công ty VAMC đã mua số lượng lớn nợ xấu từ các NHTM. Thời gian đáo hạn của trái phiếu VAMC là 5 năm, nghĩa là các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào năm 2019 và 2020. Năm 2020 là thời điểm nhiều ngân hàng phải nhận lại những khoản nợ xấu đã bán cho VAMC mà không xử lý được. Điều đó sẽ khiến tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng còn tăng. Trong các biện pháp giải quyết nợ xấu của các NHTM thì chủ yếu vẫn là bán nợ cho VAMC, trích lập dự phòng rủi ro đưa ra ngoại bảng... còn số nợ xấu thu được từ bán tài sản đảm bảo, từ khách hàng chiếm tỷ trọng thấp. Nợ xấu vẫn có khả năng quay lại ngân hàng nếu sau 5 năm (thời hạn của trái phiếu đặc biệt) vẫn chưa được xử lý. Hơn nữa, tuy đã bán nợ cho VAMC, các ngân hàng vẫn phải tiếp tục trích lập dự phòng với chi phí khá cao ở mức 20% đối với mệnh giá trái phiếu trong vòng 5 năm (chỉ trừ vài trường hợp đặc biệt dạng tái cơ cấu được trích lập dự phòng ở mức 10% theo thời hạn trái phiếu 10 năm).

Ba là, công tác xử lý nợ xấu vẫn tồn tại nhiều khó khăn do chưa có thị trường mua bán nợ thật sự chuyên nghiệp, dẫn đến việc mua bán nợ xấu chưa sôi động, các thương vụ lớn chưa phát sinh nhiều do quy định pháp luật về các ngành, lĩnh vực khác nhau còn thiếu đồng bộ, dẫn đến việc không đồng nhất ở các lĩnh vực. Mặt khác, cách tiếp cận cũng như cách hiểu của các cơ quan khác nhau về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm còn chưa nhất quán làm cho quá trình thực thi bị cản trở. Hoặc pháp luật đã cho phép ngân hàng tự xử lý tài sản bảo đảm, nhưng do các cơ quan chức năng vẫn quen xử lý các giao dịch chủ sở hữu tài sản mua bán, chuyển nhượng với bên mua, nên khi ngân hàng là bên bán/chuyển nhượng thì cơ quan chức năng không đồng ý. Thực trạng này làm cho quá trình ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm rất vướng mắc bởi kể cả khi đã bán đấu giá tài sản, bên mua vẫn không hoàn thành được thủ tục sang tên và ngân hàng vẫn phải tham gia vào quá trình xử lý mà không thu được nợ.

Do đó, để xử lý nợ xấu không còn là bài toán khó, đòi hỏi phải hình thành được thị trường mua - bán nợ với sự tham gia của các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài. Cùng với đó, thị trường mua - bán nợ phải được đa dạng

với nhiều đối tượng, thành phần khác nhau, ngay cả người dân cũng có thể tham gia thị trường này. Sàn giao dịch phải có đủ hạ tầng cơ sở, có thông tin đầy đủ về những món nợ xấu được đưa lên sàn và giao dịch buôn bán như món hàng hóa. Điều quan trọng là những quy định về chuyển nhượng tài sản từ bất động sản, đất đai nhà cửa phải được thông thoáng hơn. Bởi hiện tại vẫn còn nhiều vướng mắc trong vấn đề chuyển giao, bán đấu giá, chuyển nhượng, công chứng... Nếu các quy định về pháp luật còn khó khăn, còn nhiều ràng buộc thì vấn đề xử lý nợ không dễ thực hiện một cách nhanh chóng.

5.3. Các giải pháp từ phía ngân hàng thương mại

Trước tác động của dịch bệnh, các NHTM cần có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân như: chính sách cơ cấu nợ, giãn nợ, giảm lãi vay 1 - 1,5%/năm để góp phần giảm khó khăn cho khách hàng và giữ cho nợ xấu không bị đẩy lên cao. Bên cạnh đó, các ngân hàng phải chấp nhận giảm lợi nhuận, tăng trích lập dự phòng rủi ro. Đồng thời, phải siết chặt chất lượng tín dụng các khoản vay mới, tránh làm nợ xấu phát sinh thêm. Việc hỗ trợ tín dụng kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh trước mắt. Vài tháng nữa mọi chuyện sẽ trở lại bình thường và các doanh nghiệp được hỗ trợ sẽ đủ khả năng trả nợ.

Như vậy, để giảm thiểu nợ xấu, các ngân hàng cần kiên trì tuân thủ các chỉ đạo của NHNN trong việc cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn giảm lãi vay cho khách hàng vay vốn tại ngân hàng. Việc này sẽ khiến các ngân hàng phải hi sinh mục tiêu lợi nhuận đã đặt ra, nhưng chung lưng cùng doanh nghiệp và cá nhân đang gặp khó khăn vì Covid-19 sẽ giúp họ sớm phục hồi hoạt động, từ đó, không chỉ khách hàng mà cả ngân hàng và nền kinh tế sẽ hồi phục bền vững. Ngược lại, nếu ngân hàng theo đuổi mục tiêu lợi nhuận, không duy trì những chính sách hỗ trợ khách hàng khi họ đang gặp khó khăn thì có thể ngân hàng và cả nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng nhiều khi giải quyết bài toán phải xử lý nợ xấu trong nhiều năm sau đại dịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018, 2019 và quý I/2020 của các ngân hàng thương mại Việt Nam.
- [2]. Báo cáo thường niên của ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2018.
- [3]. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2013. *Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*
- [4]. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020. *Báo cáo số 67/BC-NHNN, Báo cáo tác động của dịch Covid-19 lên kinh tế, tiền tệ: định hướng giải pháp thời gian tới.*

AUTHOR INFORMATION

Duong Thi Hoan

Faculty of Business Administration, Hanoi University of Industry